

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KH**

Bản án số: 28/2018/HSST
Ngày: 14/9/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà VẦN THỊ LỆ VẦN

2/ Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN

- *Thư ký phiên tòa:* Bà PHẠM LÊ TRÚC QUỲNH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh KH

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH tham gia phiên tòa:* Ông TRƯƠNG QUANG THU - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T (tên gọi khác: Th) - Sinh năm 1986 tại HT

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh HT

Nghề nghiệp: nhân viên phục vụ quán cơm; Trình độ văn hoá: 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Nguyễn Tiến D – Sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1960

Chưa có vợ con

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:**

Luật sư **Huỳnh Văn Th** (Công ty Luật TNHH một thành viên A Tĩnh), là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh KH. Luật sư có mặt.

*** Bị hại:** Bà **Nguyễn Thị S** – Sinh năm: 1927

Trú tại: 12 HVT, phường XH, thành phố NT, tỉnh KH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S về mặt dân sự:

Ông Bùi Quang H – Sinh năm: 1951

Địa chỉ: 07 PCT, phường XH, thành phố NT, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1960

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh HT.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1963

Trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh HT.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông Nguyễn Trường P – sinh năm 1983

Trú tại: 1/10 MN, phường PT, thành phố NT, tỉnh KH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Ông Phạm Thành N – sinh năm 1992

Trú tại: 8/8 PTB, phường VT, thành phố NT, tỉnh KH.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1/ Ông Đỗ Hữu H – sinh năm 1957

Trú tại: Tổ 15 NH, xã VN, thành phố NT

Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Bùi Thị Tuyết N – sinh năm 1988

Trú tại: 23 HVT, phường XH, thành phố NT

Có mặt tại phiên tòa.

3/ Bà Vũ Thị L – sinh năm 1962

Trú tại: 12 HVT, phường XH, thành phố NT.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002, Nguyễn Văn T từ HT vào NT, KH sinh sống và làm phục vụ tại quán cơm VN, số nhà 23 HVT, XH, NT do bà Nguyễn Thị S làm chủ. Từ đó T quen biết, thân thiết với bà S. Biết bà S thường nghỉ ở phòng khách nhà số 12 HVT cách quán cơm 20m và cuối giường ngủ có tủ gỗ cá nhân đựng tiền. Do sức khỏe yếu nên sau mỗi ngày, bà S thường nhờ T dẫn bà từ quán cơm về 12 HVT và mở cửa cho bà S vào nhà.

Khoảng giữa tháng 8/2017, T dẫn bà S từ quán cơm về mở cửa cho bà S vào nhà. Khi vào trong nhà, bà S để chìa khóa dưới gối đầu giường rồi ra phòng phía sau vệ sinh cá nhân. Thấy vậy, T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà S. T đi đến đầu giường lấy chìa khóa mở tủ gỗ. Thấy trong tủ có hai bìch nylon (1 màu đen, 1 màu xanh), T mở ra thấy có nhiều cọc tiền loại 500 ngàn đồng, T lấy 6 cọc tiền với tổng số tiền 600.000.000 đồng, số cọc tiền còn lại T gói và để lại chỗ cũ rồi khóa tủ, đem chìa khóa để lại đầu giường rồi về lại quán cơm 23 HVT cất tiền trong ngăn tủ gỗ để đồ cá nhân của T.

Cũng với phương thức thủ đoạn như trên, khoảng tháng 10/2017, T tiếp tục trộm của bà S 450.000.000 đồng.

Số tiền trộm được của bà S là 1.050.000.000 đồng, T gửi cho mẹ là Nguyễn Thị H 108.000.000 đồng, gửi cho Nguyễn Thị M (đi ruột của T) 50 triệu đồng, trả nợ cho Nguyễn Trường P 25 triệu đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân.

Cho đến ngày 23/11/2017 Nguyễn Văn T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Gia đình T đã bồi thường 950.000.000 đồng cho bà S và bà S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Thuyên.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSKH-P2 ngày 29/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Trường P nhận tiền của Nguyễn Văn T nhưng không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 4 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 10 đến 12 năm tù giam. Luật sư Huỳnh Văn Th đề nghị xem xét các tình tiết về nhân thân của bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, xem xét tình cảm thân thiết giữa bị cáo và người bị hại để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh KH, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại là bà Nguyễn Thị S, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Trường P và người làm chứng ông Đỗ Hữu H có yêu cầu được xét xử vụ án vắng mặt họ, đồng thời người bị hại là bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho ông Bùi Quang H thay mặt bà tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm để giải quyết về phần dân sự, về vấn đề bồi thường thiệt hại (theo giấy ủy quyền đề ngày 08/9/2018). Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thành N nhưng ông N vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 292, điều 293 Bộ luật Tố tụng

hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định rằng, vào thời gian giữa tháng 8 năm 2017, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn T đã trộm cắp của bà S số tiền 600.000.000 đồng, đến tháng 10 năm 2017, T lại tiếp tục trộm cắp của bà S số tiền 450.000.000 đồng. Tổng số tiền T trộm cắp của bà S là 1.050.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt nhẹ hơn cho người phạm tội so với Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần xem xét áp dụng quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Nguyễn Văn T là thanh niên trưởng thành có đầy đủ sức khỏe, khả năng lao động nhưng lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Như vậy, cáo trạng số 10/CT-VKSKH-P2 ngày 29/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó cần xử lý nghiêm và cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là hộ cận nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 186/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh HT. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, đồng thời người bị hại là bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Theo hồ sơ vụ án, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận có sử dụng một phần số tiền trộm cắp được để tham gia cá độ bóng đá qua mạng internet. Ngày 03/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh KH đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm làm rõ và xử lý nếu có căn cứ đối với hành vi đánh bạc của bị cáo và những người có liên quan. Ngày 29/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KH có công văn số 139/VKS-P2 xác định không đủ căn cứ để khởi tố đối với Nguyễn Văn T và các đối tượng có liên quan về hành vi “Đánh bạc” và giữ nguyên quyết định truy tố bị can như cáo trạng số 10/CT-VKSKH-P2 ngày 29/3/2018. Căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về “Giới hạn của việc xét xử”, Tòa án nhân dân tỉnh KH tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với hành vi “Đánh bạc” của Nguyễn Văn T.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Theo hồ sơ vụ án, bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại là bà Nguyễn Thị S số tài sản bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại về phần dân sự là ông Bùi Quang H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xét.

Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại về mặt dân sự - ông Bùi Quang H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KH
- Công an tỉnh KH
- VKSND CC tại ĐN
- TTG CA tỉnh KH
- Cục THADS tỉnh KH
- Sở Tư pháp tỉnh KH
- Bị cáo + Người TGGT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

LÂM VƯƠNG MỸ LINH